

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT02011: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết 02 – Thực hành 0 - Tự học 04)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 06 tiết
- Giờ tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý Môi trường
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Học phần học song hành: MT03004 Đánh giá tác động Môi trường; MT03058 Công nghệ Sinh học xử lý Môi trường.
- Học phần tiên quyết: MT03008 Quan trắc Môi trường
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức để có thể vận dụng được các công cụ trong công tác quản lý môi trường, cung cấp các kỹ năng về đánh giá, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng tổng hợp tài liệu, viết báo cáo, sinh viên cũng sẽ tự chủ tìm và nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, nhằm đạt được mục tiêu hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường hướng tới quá trình bền vững.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
MT02011	Quản lý Môi trường	R1	I2	I3		R5		P7	P8				

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích được mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống môi trường	CĐR1
K2	Phân tích được nguyên nhân của ô nhiễm môi trường và suy thoái môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội	CĐR1, CĐR2, CĐR3
K3	Hiểu được mục tiêu, nội dung và xu hướng QLMT	CĐR5
K4	Lựa chọn công nghệ phù hợp cho các công tác quản lý môi trường	CĐR5
K5	Vận dụng được các công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật trong xây dựng kế hoạch quản lý môi trường	CĐR5
K6	Phân tích thông tin phục vụ cho công tác quản lý môi trường	CĐR5
Kỹ năng		
K7	Lập kế hoạch, làm việc độc lập, làm việc nhóm	CĐR7, CĐR8
K8	Tổng hợp tài liệu, viết báo cáo, trình bày báo cáo hiện trạng và đánh giá môi trường	CĐR7, CĐR8
K9	Sử dụng được máy tính, Internet, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu đáp ứng công việc cơ bản trong việc giải quyết các nhiệm vụ của ngành Môi trường	CĐR7, CĐR8
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K10	Chủ động học tập và nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan tới lĩnh vực công tác	CĐR7, CĐR8
K11	Hình thành thói quen và thái độ trong bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững	CĐR7, CĐR8

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT02011. Quản lý Môi trường (Environmental Management). (02 TC: 2-0-4; 60).

Học phần này gồm 6 chương và cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của khoa học môi trường, mục tiêu, nội dung, xu hướng quản lý môi trường, các cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường để hiểu hơn hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời phân tích một số công cụ pháp luật, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ trong công tác quản lý môi trường đối với lĩnh vực môi trường đô thị, khu công nghiệp và nông thôn.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng

- Thảo luận / thảo luận theo nhóm
- E-learning: Sinh viên nhận tài liệu và nộp bài tập trực tuyến theo nhóm và nhận được phản hồi đánh giá từ giảng viên theo hộp thư quanlymoitruong.trauquy@gmail.com (Password: qlmttrauquy).

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, nhận diện các vấn đề liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác để phân tích và đề xuất giải pháp quản lý môi trường..

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 20 tiết học lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc bài giảng, tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp.
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành bài tập giảng viên giao
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành 03 bài tập nhóm có thảo luận
- Thi giữa kì: Tham gia trình bày và nộp báo cáo bài tập nhóm có thảo luận
- Thi cuối kì: Tham gia kỳ thi cuối kỳ bằng đề thi trắc nghiệm.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần		10	
Rubric 1. Tham dự lớp	K12	10	T1 – T10
Đánh giá quá trình		30	
Rubric 2. Tiểu luận và thuyết trình	K4, K5, K6, K7, K8, K9, K11	30	T7 – T10
Cuối kì		60	
Rubric 3: Kiểm tra cuối kì	K1 – K11	60	Theo lịch của Học viện

Rubric 1: Đánh giá Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Điểm danh thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% số buổi	Tham dự > 90% số buổi học	Tham dự từ 70% - 90% số buổi học	Tham dự dưới 70% số buổi học
Thái độ tham dự và phát biểu ý kiến trong lớp học	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ít tham gia

Rubric 2: Đánh giá Tiểu luận và thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung báo cáo	40	Phong phú, đầy đủ	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Hình thức báo cáo	10	Logic, Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Số liệu/minh chứng có căn cứ khoa học	Số liệu/minh chứng có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Số liệu/minh chứng có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Số liệu/minh chứng không có căn cứ khoa học và logic
Kỹ năng thuyết trình	10	Thuyết trình mạch lạc, hấp dẫn	Thuyết trình mạch lạc, chưa thực sự hấp dẫn	Thuyết trình áp úng	Đứng đọc slide, không thuyết trình
	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng

		đáng	hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	hướng phù hợp	
--	--	------	---	---------------	--

Rubric 3: Đánh giá cuối kì (thi trắc nghiệm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Kiểm tra 50 câu trắc nghiệm	100	Trả lời được trên 45 câu hỏi	Trả lời được từ 35-44 câu hỏi	Trả lời được từ 25 – 34 câu hỏi	Trả lời dưới 25 câu hỏi

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường	✓ Khái niệm, thành phần, chức năng môi trường ✓ Khủng hoảng môi trường ✓ Khái niệm về quản lý môi trường ✓ Mục tiêu của quản lý môi trường ✓ Nội dung công tác quản lý môi trường ✓ Các xu hướng quản lý môi trường	K1, K2, K3
Cơ sở của quản lý môi trường	✓ Cơ sở triết học ✓ Cơ sở khoa học – kỹ thuật ✓ Cơ sở kinh tế ✓ Cơ sở luật pháp	K1, K2
Các công cụ trong quản lý môi trường	✓ Khái niệm công cụ quản lý môi trường ✓ Phân loại công cụ quản lý môi trường ✓ Công cụ luật pháp, chính sách ✓ Công cụ kinh tế ✓ Công cụ kỹ thuật ✓ Công cụ phụ trợ	K4, K5, K6
Hệ thống quản lý môi trường	✓ Tổ chức quản lý môi trường ✓ Chức năng của cơ quan BVMT ✓ Hệ thống tổ chức Nhà nước về môi trường ở Việt Nam ✓ Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động BVMT ✓ Luật bảo vệ môi trường	K5, K6
Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	✓ Những vấn đề môi trường đô thị và khu công nghiệp ✓ Các công cụ quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11
Quản lý môi trường nông thôn	✓ Những vấn đề môi trường nông thôn ✓ Các công cụ quản lý môi trường nông thôn	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Nộp bài tập chậm*: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm: trừ 50% điểm chuyên cần.
- *Không làm bài tập tiểu luận*: 0 điểm.
- *Không làm bài giữa kỳ*: 0 điểm
- *Điểm thi cuối kỳ*: Không tham thi cuối kỳ (và không có lý do được chấp thuận theo QĐ hiện hành): điểm 0.

Yêu cầu về đạo đức: Không được sử dụng điện thoại trong lớp, không đi muộn, không ngủ trong lớp. Tôn trọng ý kiến khác biệt và quyền cá nhân.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình- cập nhật mới từ 3 năm trở lại đây)**

1. Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2012). Giáo trình quản lý môi trường. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. GS.TSKH Lê Huy Bá (chủ biên), Thái Vũ Bình, Vũ Đình Long, Giáo trình Quản lý môi trường (phần chuyên đề) (2016), Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

*** Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)**

1. Quốc hội (2014), Luật bảo vệ môi trường 2014

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Báo cáo định kỳ hiện trạng Môi trường

3. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (2010), Giáo trình Kinh tế Môi trường

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6tiết) 1.1. Những vấn đề chung trong quản lý môi trường 1.2. Khủng hoảng môi trường 1.3. Các mục tiêu, nội dung, nguyên tắc và xu hướng quản lý môi trường	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12tiết) Khủng hoảng môi trường	
3	Chương 2: Cở sở của quản lý môi trường	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Cơ sở triết học của quản lý môi trường 2.2. Cơ sở khoa học công nghệ của quản lý môi trường 2.3. Cơ sở kinh tế của quản lý môi trường 2.4. Cơ sở luật pháp của quản lý môi trường	K1, K2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6tiết) Cơ sở của quản lý môi trường: phân tích mối quan hệ Tự nhiên – Con người – Xã hội	
4-5-6	Chương 3: Các công cụ trong quản lý môi trường	

	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (12 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (12 tiết) 3.1. Khái niệm về công cụ quản lý môi trường 3.2. Phân loại công cụ quản lý môi trường 3.3. Công cụ luật pháp – chính sách 3.4. Công cụ kinh tế 3.5. Công cụ kỹ thuật 3.6. Công cụ phụ trợ	K4, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường Đô thị, khu công nghiệp, Nông thôn	
7	Chương 4. Hệ thống quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường và công tác thanh kiểm tra môi trường	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại một số nước 4.2. Tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam 4.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.	K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Tìm hiểu về luật Bảo vệ Môi trường và hệ thống tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của Tổng cục Môi trường	
8	Chương 5. Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung thảo luận: (3 tiết) 5.1. Phân tích mô hình DPSIR 5.2. Các công cụ pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ áp dụng trong quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp Chia nhóm thảo luận và trình bày	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Làm bài tiểu luận và bài trình bày báo cáo về thực trạng công tác quản lý môi trường theo nhóm đối với từng lĩnh vực.	
9	Chương 6: Quản lý môi trường nông thôn và làng nghề	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung thảo luận: (3 tiết) Các công cụ pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ áp dụng trong quản lý môi trường nông thôn và làng nghề Chia nhóm thảo luận và trình bày	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Làm bài tiểu luận và bài trình bày báo cáo về thực trạng công tác quản	

	lý môi trường theo nhóm đối với từng lĩnh vực.	
10	Sinh viên thuyết trình theo nhóm 3-5 sinh viên/nhóm, hỏi đáp và nộp bài tiểu luận	Từ K1 đến K11

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng, giấy Ao, bút viết bảng.
- E- learning

P.TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Cao Trường Sơn

TS. Đinh Thị Hải Vân

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hải Vân	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0936953333
Email: dinhthihaivan@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: trao đổi trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cao Trường Sơn	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0975278172
Email: caotruongson.hua@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: trao đổi trực tiếp hoặc qua email	